

Số: 4510 /BC-TĐHHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO

### V/v: Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018

Thực hiện công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018 như sau:

#### I. Đối tượng khảo sát: Sinh viên đại học chính quy.

TT	Ngành	Tổng số sinh viên tốt nghiệp	Tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát	Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi
1	Quản lý đất đai	165	165	150
2	Quản lý biển	33	33	32
3	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	59	59	55
4	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	64	64	61
5	Khí tượng học	32	32	30
6	Khí tượng Thủy văn biển	5	5	5
7	Thủy văn học	14	14	14
8	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	42	42	37
9	Công nghệ thông tin	21	21	19
10	Kế toán	86	86	82
11	Kỹ thuật địa chất	36	36	32
12	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	30	30	28
13	Quản trị du lịch và lữ hành	10	10	9
14	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	111	111	99
15	Tổng số	708	708	653

#### II. Cách thức khảo sát: Thông qua gọi điện thoại, gửi Email.

#### III. Thời gian sinh viên tốt nghiệp và thời gian khảo sát:

Việc khảo sát việc làm của sinh viên được tiến hành vào tháng 6 năm 2019. Thời gian sinh viên tốt nghiệp tính đến thời điểm khảo sát cụ thể như sau:

- Sinh viên tốt nghiệp theo Quyết định tốt nghiệp số: 2183/QĐ-TĐHHN, ngày 15/6/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH TN&MT Hà Nội: Sau 1 năm tốt nghiệp.

- Sinh viên tốt nghiệp theo Quyết định tốt nghiệp số: 3542/QĐ-TĐHHN, ngày 28/9/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH TN&MT Hà Nội: Sau 9 tháng tốt nghiệp.

- Sinh viên tốt nghiệp theo Quyết định tốt nghiệp số: 4859/QĐ-TĐHHN, ngày 20/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH TN&MT Hà Nội: Sau 6 tháng tốt nghiệp.

#### **IV. Nội dung khảo sát**

1. Tình trạng việc làm của sinh viên. Cụ thể:

- Sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo.
- Sinh viên có việc làm liên quan đến ngành đào tạo.
- Sinh viên có việc làm không liên quan ngành đào tạo.
- Sinh viên tiếp tục học.
- Sinh viên chưa có việc làm.

2. Khu vực làm việc của sinh viên. Cụ thể:

- Sinh viên làm việc khu vực nhà nước.
- Sinh viên làm việc khu vực tư nhân.
- Sinh viên tự tạo việc làm.
- Sinh viên có việc làm khu vực có yếu tố nước ngoài.

**V. Kết quả khảo sát:** Phụ lục đính kèm.

#### **VI. Thuận lợi, khó khăn:**

**1. Thuận lợi:** Nhà trường có sự chuẩn bị tốt về cơ sở dữ liệu và tài chính phục vụ công tác khảo sát việc làm của sinh viên.

**2. Khó khăn:** Trong quá trình khảo sát việc làm của sinh viên, Nhà trường gặp một số khó khăn sau:

- Việc điều tra bằng hình thức Email cho sinh viên rất khó khăn, sinh viên hầu như không có phản hồi, việc gọi điện cho sinh viên nhiều khi phải gọi lại nhiều lần.

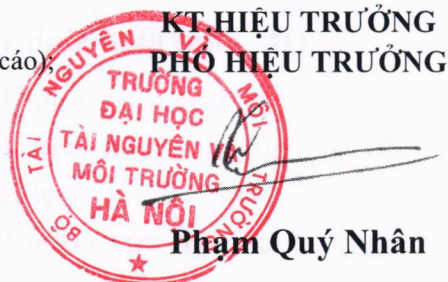
- Đa phần sinh viên ngại cung cấp thông tin về thu nhập và đơn vị công tác nên việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Trên đây là báo cáo kết quả điều tra tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018, Nhà trường xin báo cáo Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực - Bộ GDĐT để tổng hợp theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- TT Hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực - Bộ GDĐT (báo cáo);
- Hiệu trưởng (báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Các đơn vị trực thuộc trường (để biết);
- Lưu: VT, CTSV(2).



**PHỤ LỤC SỐ 1**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2018**(Đính kèm Báo cáo số: 4510 /BC-TĐHHN, ngày 10 tháng 12 năm 2019)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7850103	Quản lý đất đai	165	105	150	97	34	8	73	8	27	77%	70%	26	79	3	7	
2	7850199	Quản lý biển	33	23	32	22	0	5	18	3	6	72%	70%	1	18	0	4	
3	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	59	43	55	40	0	11	27	2	15	69%	64%	6	15	7	10	
4	7510406	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	64	40	61	38	18	16	13	1	13	77%	73%	4	31	2	10	
5	7440221	Khí tượng học	32	24	30	22	7	0	17	2	4	80%	75%	7	16	0	1	
6	2440299	Khí tượng Thủy văn biển	5	4	5	4	0	0	3	0	2	60%	60%	0	1	1	1	
7	7440224	Thủy văn học	14	14	14	14	1	1	6	4	2	57%	57%	2	6	0	0	
8	7520503	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	42	20	37	18	11	0	19	2	5	81%	71%	3	25	2	0	
9	7480201	Công nghệ thông tin	21	10	19	8	11	3	5	0	0	100%	90%	4	9	2	4	
10	7340301	Kế toán	86	78	82	75	34	6	24	1	17	78%	74%	0	55	5	4	
11	7520501	Kỹ thuật địa chất	36	23	32	20	4	1	15	6	6	63%	56%	2	12	0	6	
12	7440298	Biển đổi khí hậu và Phát triển bền vững	30	18	28	18	1	1	14	4	8	57%	53%	1	14	0	1	
13	7810103	Quản trị du lịch và lữ hành	10	9	9	8	5	1	2	0	1	89%	80%	0	7	0	1	
14	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	111	76	99	68	10	9	41	3	36	61%	54%	8	43	3	6	

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Quý Nhân